

## NHỮNG KHÁT VỌNG NHÂN VĂN TRONG TẬP ĐOÀN QUÂN KỲ BINH CỦA ISAAC BABEL

Đỗ Thị Hường

Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đỗ Thị Hường - Email: [huongvhnnvvh@gmail.com](mailto:huongvhnnvvh@gmail.com)

Ngày nhận bài: 29-5-2021; ngày nhận bài sửa: 14-6-2021; ngày duyệt đăng: 17-6-2021

**Tóm tắt:** Isaac Babel là một nhà văn Nga Do Thái đặc biệt trong văn học Nga. Bản thân nhà văn và tác phẩm xuất sắc nhất của ông *Tập đoàn quân Kỳ binh* đã thực sự trở thành một hiện tượng đáng kể trong văn học Nga và thế giới. Với *Tập đoàn quân Kỳ binh*, nhà văn không chỉ giúp người đọc hiểu thêm về cuộc sống, quá trình chiến đấu cũng như phẩm chất, lý tưởng của những chiến sỹ Hồng quân Codắc, mà còn giúp người đọc thấy được những giá trị nhân văn, nhân bản, những mong ước giản dị và cả những khát vọng cao cả của con người, đặc biệt những người trí thức Do Thái trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt. Qua đó, người đọc thêm trân trọng một cây bút tài năng và dũng cảm, cũng như có cái nhìn toàn diện hơn về một giai đoạn đầy biến động của văn học Nga – Xô Viết. Với một góc nhìn tâm lý ít thấy khi tiếp cận các tác phẩm viết về chiến tranh bài viết hy vọng sẽ làm nổi bật được những vấn đề trên.

**Từ khóa:** Isaac Babel; *Tập đoàn quân Kỳ binh*; khát vọng nhân văn; trí thức; Do Thái.

### 1. Mở đầu

Văn học Nga nổi tiếng là một nền văn học lớn trên thế giới với sự xuất hiện của nhiều người khổng lồ có ảnh hưởng lớn lao tới văn hóa nhân loại. Văn học Nga cũng nổi tiếng với những vụ án văn chương hết sức khốc liệt trong lịch sử văn học thế giới. Có lẽ cũng bởi văn học Nga “hưởng ứng rất nhạy bén với các vấn đề xã hội” (Nguyen, 2002) cho nên nhiều nhà văn Nga và những đứa con tinh thần của họ phải chịu những số phận đầy thăng trầm. Chính M.Gorky đã từng viết: “Đòi các nhà văn Nga rất đòi hỏi những tấn bi kịch...” (Gorky, 1970). Có thể kể ra một danh sách dài “những người tuấn nạn trong văn học Nga thế kỷ XX”: A.Platonov, B.Pasternak, M.Bulgakov, A.Solzhenitsyn, I.Brodsky... Isaac Emmanuilovit Babel cũng là một người trong danh sách ấy. Ông là một nạn nhân của

những vụ trấn áp văn chương những năm 30 - 40 của thế kỷ XX. Nói đến Babel người ta nói đến một nhà văn Nga gốc Do Thái đặc biệt và tài năng. Ngay khi mới xuất hiện trên văn đàn Babel đã được ca ngợi là “ngôi sao mới xuất hiện trong nền văn học chúng ta” (Freidin, 1990). Babel được biết đến trên văn đàn Nga và thế giới với tác phẩm *Tập đoàn quân Kỳ binh*. Ngay từ 1926, khi mới ra đời *Tập đoàn quân Kỳ binh* đã được dịch ra 20 thứ tiếng và Babel đã nổi tiếng rất xa bên ngoài biên giới Liên Xô. Nguyễn Hải Hà đã dẫn lời Erenburg trong *Chuyện làng văn*: “*Quân đoàn kỳ binh* (cách dịch của Nguyễn Hải Hà) của Babel chiếm được cảm tình của Maiacovsky, Esenin, A.Beluri, T.Mann và H.Barbusse, R.Rolland, và Bress cùng nhiều nhà văn lớn trên thế giới” (Nguyen, 2004). Giáo trình *Lịch sử văn học Nga* khen ngợi *Tập đoàn quân Kỳ binh*: “Tập truyện viết hấp dẫn, đậm đà (nồng như rượu mạnh, sắc sỡ như ngọc quý)” (Multiple authors, 2003). Với tập truyện này, tên tuổi của Babel được ca ngợi, nhưng cũng với tập truyện này, Babel bị kết án bởi nguyên soái Budionyi – Tư lệnh quân đoàn Kỳ binh số Một. *Tập đoàn quân Kỳ binh* là một tập truyện ngắn gồm 34 tác phẩm ghi lại cuộc sống và quá trình chiến đấu của những chiến sỹ kỳ binh

**Cite this article as:** Do, T. H. (2021). The humane aspirations in Isaac Babel's *Red Cavalry*. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 11(1), 163-171. <https://doi.org/10.47393/jshe.v11i1.971>

Hồng quân trong cuộc chiến tranh khốc liệt giữa Liên Xô và Ba Lan 1920. Mặc dù là một tác phẩm viết về chiến tranh nhưng trong *Tập đoàn quân Kỵ binh* người đọc vẫn thấy sự xuất hiện của những nhân vật nghệ sĩ với thế giới của những tác phẩm nghệ thuật, những nhân vật tôn giáo với nhà thờ, giáo đường, những nhân vật triết gia Do Thái với những nghi lễ cổ truyền... Chính sự tái hiện chân thực cuộc sống chiến đấu của cả các chiến sỹ Hồng quân lẫn những nạn nhân chiến tranh đã khiến Babel trở thành nạn nhân của tác phẩm của mình. Nhưng Gorky đã bênh vực Babel: “Babel tô đẹp các nhân vật của ông đẹp hơn, thật hơn Gogol đã làm với những con người của vùng Daporozhe (các nhân vật trong *Taras Bulba*)... Babel đã bỏ xung tãi tình khái niệm của tôi về chủ nghĩa anh hùng của quân đội đầu tiên trong lịch sử”... “Babel là một hy vọng lớn của văn học Nga” (Babel, 2000).

“Thời gian sẽ mài giũa những viên ngọc thật” (Nguyen, 2002), Babel đã được phục hồi danh dự và tên tuổi vào tháng 12/1954. Năm 1988, *Tuyển tập Babel* (2 tập), hồi ký của những nhà văn cùng thời viết về Babel được xuất bản ở Nga. Năm 2001, *Toàn tập Babel (The Complete Work of Isaak Babel)* được phổ biến rộng rãi ở phương Tây. Freidin khẳng định “*Tập đoàn quân Kỵ binh* – tác phẩm làm nên tên tuổi của Babel đã được tái bản 35 lần chỉ tính riêng ở Nga” (Freidin, 1990). “Không thể hình dung được hoàn chỉnh bức tranh văn học Nga nếu bỏ qua mảng văn học đã từng bị cấm đoán trước đây” (Dao, 2002) – nhà nghiên cứu Đào Tuấn Ảnh đã đưa ra nhận xét rất xác đáng. Ở Việt Nam, năm 2000 dịch giả Nguyễn Thụy Ứng đã cho công bố *Tuyển tập I. Babel* gồm ba tập truyện ngắn (*Tập đoàn quân Kỵ binh*, *Truyện ngắn Odessa*, *Truyện ngắn*) và hai vở kịch (*Maria* và *Hoàng hôn*). Trong số những tác phẩm của Babel được dịch và giới thiệu ở Việt Nam cho đến nay, *Tập đoàn quân Kỵ binh* là tác phẩm lớn nhất, xuất sắc nhất, thể hiện rõ nhất tài năng của nhà văn Nga Do Thái này.

Nhà văn Erenburg đã viết: “Babel không giống ai và chẳng ai có thể giống Babel. Ông khác các tác giả khác không chỉ ở phong cách viết văn độc đáo mà còn ở cách nhận thức thế giới rất đặc biệt” (Babel, 2000). Dù được coi “là một bậc thầy về truyện ngắn trong nội chiến” (Huu, 1982) nhưng trong tác phẩm xuất sắc nhất của ông, người đọc không chỉ thấy hình ảnh của những chiến sỹ Hồng quân, đặc biệt những chiến sỹ Hồng quân

Codăc anh dũng, thiện chiến, mang nặng lý tưởng chiến đấu và chiến thắng, người đọc còn thấy nhiều những con người lương thiện, giản dị và đầy khát vọng. Họ là những chiến binh trí thức với khát vọng hòa nhập, những triết gia Do Thái với khát vọng gìn giữ các giá trị văn hóa, những họa sĩ với khát vọng tự do sáng tạo và những con người nhiều tầng lớp với khát vọng về một thế giới lý tưởng. Đó thực sự là những khát vọng nhân văn cao quý và đáng trân trọng trong bối cảnh chiến tranh ác liệt.

## 2. Nội dung

### 2.1. Khát vọng hòa nhập và gìn giữ

#### 2.1.1. Chiến binh trí thức với khát vọng hài hòa

Viết về Quân đoàn kỵ binh số Một, Babel viết về những chiến binh ưu tú nhất trong quân đội Xô Viết. Không ít trong số họ là những *chiến binh xuất thân trí thức*. Họ không chỉ đóng góp một phần quan trọng vào thắng lợi của Tập đoàn quân, họ còn mang đến một nét đẹp riêng cho cuộc sống, chiến đấu của đội quân ấy – *nét đẹp văn hóa*. G.Freidin viết về họ: “Dù cho có người nói thế nào đi nữa thì phần văn hóa của cuộc Cách mạng vẫn thuộc về giới trí thức” (Freidin, 1990).

Qua 34 truyện ngắn trong *Tập đoàn quân Kỵ binh* dần dần chúng ta thấy nổi bật lên hình ảnh của chàng kỵ binh trí thức Kyril Vasilievitv Liutov. Liutov xuất hiện trong tác phẩm với tư cách là “đại diện của tầng lớp trí thức tham gia Cách mạng vô sản, tìm kiếm vị trí của mình trong đó và cố hòa nhập vào quần chúng Cách mạng” (Babel, 2000). Tuy nhiên, trong suốt hành trình khó khăn và không ít gian khổ ấy dù có cố gắng đến đâu, dù có gặt hái được những thành công thế nào chăng nữa Liutov vẫn chưa một lần trở thành một chiến binh thực thụ. Bởi trong khi khát khao gia nhập vào nhóm các chàng trai Coddăc anh vẫn không thể xa rời được bản chất vừa nhạy cảm vừa đa cảm của người trí thức trong mình. Khát vọng lớn nhất của Liutov và những người cùng xuất thân như anh là *khát vọng hài hòa*: vừa *dung hợp được chất Coddăc dũng mãnh và thiện chiến* vừa *gìn giữ được chất trí thức và những nét đẹp văn hóa* trong một con người. Thực tế tác phẩm đã cho thấy những khi Liutov giành được cảm tình của các đồng đội thì tâm hồn anh lại nhói đau, còn khi sống thật với bản chất của mình anh lại bị xa lánh, hắt hủi, coi thường, thù ghét, thậm chí họ gọi anh là kẻ phản bội.

Nói tới những thử thách của chiến tranh người ta thường nói tới những chặng đường hành quân gian khổ, đói rét, bệnh tật, sự chết chóc. Nhưng đối với những chiến binh trí thức, đặc biệt là với những anh chàng đeo kính làm thế nào để thực sự trở thành một thành viên trong đại gia đình kỵ binh Hồng quân có lẽ là thử thách đầu tiên và khó khăn nhất. Liutov cũng phải đương đầu với thử thách ấy. Quyết định gia nhập vào đội ngũ những người lính kỵ binh đầu tiên của quân đội, Liutov được biệt phái tới sư đoàn bộ. Tại đây trước khi được đưa xuống đơn vị của mình Liutov đã nhận một đòn phủ đầu của sư trưởng: "... lại thêm cái kính trên mũi. Thiếu tư thế quá thôi!... Người ta phải anh đi mà không hỏi, ở đây chúng nó thường xia cho chỉ vì cái kính thôi đấy. Anh sẽ sống được với chúng tôi chứ?" (Babel, 2000). Ngay anh chàng phụ trách trú quân cũng kể cho Liutov nghe chuyện về một người đeo kính đã bỏ mạng và khuyên Liutov: "Nếu như các anh làm hại đời một cô nàng, một cô nàng thật trong trắng, thì lúc ấy các anh sẽ được các chiến sĩ yêu mến..." (Babel, 2000).

Xuống nơi trú quân Liutov nhận được sự đón tiếp thô lỗ và không thiện chí của những anh chàng Cốtđắc khi một trong số họ vừa mĩa mai vừa ném hòm đồ của người mới tới ra cổng, còn những tay Cốtđắc khác thì "trêu chọc không biết mệt". Liutov quyết định thể hiện mình theo đúng cách của họ. Anh giết chết con ngựa vô tội – tài sản cuối cùng của cụ già chủ nhà. Ngay lập tức Liutov nhận được thái độ tôn trọng và thân thiện của những kẻ vừa hất hủi mình. Nhưng niềm hân hoan và sung sướng vì được thu nhận vào đội ngũ cũng không xua tan được ám ảnh về "tội ác" đầu tiên nơi người trí thức: "Tôi nằm mơ, có cả những người đàn bà trong giấc mơ, chỉ có trái tim tôi nhuộm đỏ vì sát sinh, cứ nhoi nhói rỉ máu" (Babel, 2000). Lần đầu tiên Liutov sát sinh vô cớ, lần đầu tiên anh vi phạm nguyên tắc của chính bản thân mình. Những tương có được "lẽ ra mất" suôn sẻ trái tim chàng trai sẽ chai sạn, nhưng không, từ thẳm sâu tâm hồn của mình anh vẫn *không thể thân nhiên* giết người, báng bỏ nhà thờ, bạo hành đối với phụ nữ, hành hạ tù binh hay tàn sát những người Do Thái. Có những khi Liutov làm tổn thương những người phụ nữ vì họ ngoan cố cất giấu lương thực nhưng những khi ấy anh không hề cảm thấy thanh thản. Anh vẫn là con người giàu tình cảm tận trong cốt tủy.

Trong *Cái chết của Dolgushov* Liutov suýt bị Afonka Bida giết chết chỉ vì anh không đủ dũng cảm bắn một viên đạn vào người đồng đội đang bị thương nặng để giảm bớt đau đớn cho anh ta. Trong *Đại đội trưởng Trunov* anh bị coi là người gây ra cái chết của Trunov khi phán xét hành vi bạo hành đối với tù binh của đại đội trưởng. Trong *Argamak* cả anh chàng kỵ binh Chikhomolov và đại đội trưởng Baulin đều coi thường và xa lánh anh. Thậm chí Baulin còn thẳng thừng đuổi anh ra khỏi đơn vị: "Thôi cút mẹ anh ra khỏi chỗ chúng tôi đi..." (Babel, 2000). Có lần Liutov bị Ivan Akinfiyev lên án là một kẻ molocan (giáo phái phủ nhận mọi nghi thức tôn giáo) vì anh không lấp đạn vào súng, anh không đủ lạnh lùng để giết người Ba Lan. Liutov đau đớn đến mức cầu xin Thượng đế ban cho mình khả năng giết người: "Tôi không còn sức lực gì nữa, cứ còng lưng dưới vành hoa nơi mộ địa, đi về phía trước và *van nài số phận ban cho mình kỹ năng đơn giản nhất là giết người*" (Babel, 2000). Mong muốn đó của Liutov không phải là mong muốn được trở thành một kẻ tàn bạo, nó chính là biểu thể của khát khao được hòa nhập trong nhân dân, trong quần chúng Cách mạng. Ở đây, trong tác phẩm này, nhân dân ấy, quần chúng Cách mạng ấy chính là những chàng nông dân Cốtđắc như Akinfiyev, Afonka Bida, Trunov, chính là những người công nhân đầy sức mạnh như Baulin, thậm chí là sư trưởng Savitsky – Phó tiến sỹ luật đại học Peterburg đầy chất thép. Nhưng dường như đối với Liutov "nhân dân" mãi mãi là một bí ẩn đối lập với anh, anh không sao hòa nhập, không sao trở thành một trong số họ. Liutov cũng giống như nhiều trí thức tham gia chiến tranh trong các tác phẩm văn học khác, không đủ can đảm để thẳng tay tàn sát đồng loại, ngay cả khi kẻ đồng loại ấy ở bên kia chiến tuyến. Bởi dù thế nào chăng nữa họ cũng là một con người, một số phận. Tình yêu thương, lòng nhân đạo nơi anh bị coi là mềm yếu. Đồng đội coi anh là kẻ mang "đồng máu của kẻ tôi đòi". Họ coi thường tình yêu thương của anh, coi thường lòng nhân đạo nơi anh, dù đối tượng của tình yêu thương ấy chính là đồng đội của họ. Afonka quát lên với anh: "*Bọn đeo kính chúng mày, chúng mày thương anh em chúng tao như con mèo thương con chuột*" (Babel, 2000). Phải chăng đó chính là sự đối lập vĩnh cửu muôn đời giữa trí thức và nhân dân Nga? Phải chăng họ sẽ mãi mãi là tầng lớp trí thức, là giai cấp tiểu tư sản mà không thể trở

thành một bộ phận hữu cơ của nhân dân Nga như N.A.Berdiaev đã từng khẳng định?

Trong *Tập đoàn quân Kỵ binh* không chỉ một mình Liutov ôm ấp khát vọng hòa nhập và gìn giữ. Ilia – con trai rapbi Do Thái Motale cũng là một nhân vật luôn bị ám ảnh bởi hai ước muốn: hòa nhập vào đoàn binh Côdác và giữ gìn tổ chất của ông hoàng cuối cùng của vương triều Trecnobun. Gia nhập Hồng quân anh bị cha – rapbi Motale Bratslavsky, bị bỏ Mockhe – người hầu của cha anh coi thường, si nhục, coi là kẻ tội tệt, đáng nguyên rủa. Thậm chí vì anh, cả mẹ anh cũng bị coi thường, hành hạ. Trở về nhà vì không thể bỏ mẹ ở lại anh héo hon, tiêu tụy. Cuối cùng Ilia chết khi chưa tới được Rovno, chết khi chưa thực hiện được lý tưởng, chết mà không nhận được sự tôn trọng và thương tiếc của đồng đội. Trong hành trang ra mặt trận của Ilia có cả chân dung của Lênin và Maimonit, có cả những tờ truyền đơn cộng sản, bên cạnh những dòng thơ Do Thái. Đáng tiếc, hành trang ra mặt trận cũng là hành trang sang thế giới bên kia của anh, trong hành trang ấy giờ đây có cả nỗi đau của một kẻ bất đắc chí.

Cả Liutov, cả Ilia chính là những đại diện cho số đông tầng lớp trí thức tham gia Cách mạng trong *Tập đoàn quân Kỵ binh*. Qua Liutov, Babel đã biểu hiện được “lịch sử của tầng lớp trí thức tiểu tư sản, lịch sử các số phận và những sự trăn trở quằn quại của tầng lớp này trong những năm Cách mạng...” (Babel, 2000).

### **2.1.2. Triết gia Do Thái với khát vọng bảo tồn các giá trị văn hóa cũ**

Chiến đấu tại Ba Lan, Liutov thường xuyên phải chứng kiến những hành động xúc phạm tình cảm tôn giáo của dân địa phương, những hành động coi thường dân Do Thái và những hành động phá hoại nhà thờ xuất phát từ chính những người đồng đội trong Tập đoàn quân của mình.

Cũng giống như những người Do Thái khác, từ thuở ấu thơ văn hóa Do Thái đã có một ý nghĩa hết sức đặc biệt đối với Liutov. Dù gia nhập Hồng quân nhưng anh không thể cho phép mình được lãng quên nguồn gốc. Những cuộc chuyện trò với triết gia Do Thái Ghedali, với rapbi Do Thái Motale, sự trân trọng những di sản văn hóa trong các nhà thờ Do Thái, những bản báo cáo kêu gọi bảo vệ các thánh địa tôn giáo... đã khẳng định *chất nhân văn Do Thái* trong con người anh. Không chỉ Liutov, trong tác phẩm của mình Babel còn miêu tả rất nhiều

nhân vật như thế. Chúng ta không thể không nói tới nhân vật Ghedali chủ cửa hàng buôn bán bác đèn, phấn, lơ bột và là một triết gia Do Thái điển hình.

Cách mạng đến, mọi người trong khu chợ đã bỏ đi hết nhưng Ghedali vẫn ở lại. Ủng hộ Cách mạng nhưng không vì thế cụ bỏ truyền thống dân tộc: “Cách mạng, với Cách mạng chúng ta nói ủng hộ nhưng chẳng lẽ với ngày thứ bảy chúng ta nói phản đối hay sao?” (Babel, 2000). Tuyệt đối tôn phục luật Moise, kiên quyết thực hiện ngày Sabat, tôn trọng và bảo vệ những nét văn hóa truyền thống dân tộc còn là phẩm chất của những Motale – rapbi cuối cùng của vương triều Trecnobun, bỏ Mockhe, Ilia... Ở họ, khát vọng lớn nhất chính là *khát vọng giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa đẹp đẽ của dân tộc Do Thái* khỏi những sự tàn phá của chiến tranh. Babel qua việc miêu tả những con người hoài cổ ấy muốn khẳng định một điều: chiến tranh dù có nghiệt ngã đến đâu, có sức phá hoại ghê gớm đến đâu cũng không thể tiêu diệt được chất người, đặc biệt là vẻ đẹp tâm hồn của con người. Khát vọng nhân văn sẽ mãi mãi là khát vọng cao đẹp không bao giờ chết.

### **2.1.3. Nhân vật tôn giáo với khát vọng bảo vệ thánh địa**

Ngoài những triết gia Do Thái hoài cổ, trong tác phẩm chúng ta còn bắt gặp không ít nhân vật tôn giáo. Họ có thể là những cha cố, cha phó hay những người phục vụ trong nhà thờ. Dù là ai, họ đều gặp nhau ở mong muốn *gìn giữ nhà thờ* - thánh địa thiêng liêng trước sức mạnh phá hủy của chiến tranh. Được khắc họa sắc nét hơn cả là pan Robatsky – lão bố nhà thờ trong *Nhà thờ Novograd* và pan Liudomiasky – người đánh chuông nhà thờ trong *Ở chỗ thánh Valangtanh*.

Pan Robatsky không thể chấp nhận được việc người ta xâm phạm hòm thiêng của nhà thờ. Phản ứng của ông rất dữ dội. Người đọc bắt gặp “cái ánh điện đại như của loài quạ trong con mắt pani Elida, tiếng cười như sấm của Romuan và tiếng gầm rú không ngớt của những quả chuông mà pan Robatsky, người đánh chuông nhà thờ phát điên dóngh liên hồi” (Babel, 2000). Tiếng chuông của pan Robatsky là tiếng chuông cảnh báo về sự xúc phạm tôn giáo đang tràn lan trong chiến tranh; là tiếng chuông thức tỉnh sự tôn trọng những thánh địa thiêng liêng, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng; hay là tiếng chuông đánh thức tình cảm tôn giáo tốt đẹp trong mỗi con người?

Khác với Robatsky, phản ứng của pan Liudomiasky mạnh mẽ hơn. Vẫn trung thành với các nghi lễ tôn giáo “người đánh chuông phủ phục xuống những tấm đá lát sàn màu xanh da trời” (Babel, 2000) trước bàn thờ. Và “pan Liudomiasky đang đứng dưới bức tượng trong chiếc áo lễ phục màu xanh lá cây. Ông vươn bàn tay gầy khô trên đầu chúng tôi và nguyên rủa chúng tôi (...) Giọng ồm ồm như sấm, người kéo chuông nhà thờ thánh Valangtanh dùng tiếng Latinh rất thuần rứt phép thông công của chúng tôi. Rồi ông quay đi, quỳ xuống, ôm lấy hai chân Chúa Cứu Thế” (Babel, 2000). Có thể có người cho rằng hành động của pan Liudomiasky là hành động của kẻ sùng tín mù quáng, sẵn sàng tử vì đạo nhưng theo chúng tôi, miêu tả pan Liudomiasky trong những hành động như vậy nhà văn bày tỏ sự kính trọng đối với những người thực sự kính Chúa, tin Chúa, thực sự tôn trọng những giá trị tín ngưỡng tốt đẹp của loài người. Đó cũng là một biểu hiện đầy tính nhân văn của con người, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh.

## 2.2. Khát vọng tự do sáng tạo

“Các truyện ngắn của Babel *sáng lóa mắt*. Cũng như một số họa sĩ thế kỷ chúng ta, ông tìm kiếm những *sắc màu rực rỡ*” (Babel, 2000). Nếu như Erenburg đã từng ngắt ngây trước những tác phẩm đậm màu sắc hội họa của Babel thì nhà văn khi hóa thân thành người kể chuyện xưng tôi trong *Pan Apolech* lại bị chinh phục bởi chính *họa sĩ vẽ tranh tôn giáo người Do Thái*: “Cuộc đời tuyệt đẹp và khôn ngoan của pan Apolech đã làm đầu óc tôi ngây ngất như một thứ rượu vang lâu đời (...). Ngập trong ánh hào quang hồn nhiên tỏa ra trên đầu các tượng thánh, hồi ấy tôi đã phát nguyện sẽ noi gương pan Apolech” (Babel, 2000). Có sức quyến rũ gì từ cuộc đời “tuyệt đẹp và khôn ngoan” ấy khiến “tôi” ngắt ngây, thậm chí nguyện sẽ noi gương theo? Phải chăng đó chính là sức cuốn hút tỏa ra từ các bức tranh Apolech đã vẽ? Hay đó là chất lãng tử và hài hước trong con người ông? Hai điều đó đúng, nhưng có lẽ chưa đủ. Theo chúng tôi, viết về Apolech, Babel không chỉ đơn giản ca ngợi chất lãng tử trong con người và nét tài hoa trong các bức tranh của ông, đằng sau những lời ca ngợi ấy chính là *thái độ trân trọng, lòng cảm phục và sự đồng cảm của một nghệ sĩ*. Trân trọng những *chân lí nghệ thuật* toát ra từ các bức tranh của Apolech, cảm phục con người *dùng cảm xúc sống hết mình cho nỗi*

*đam mê và đồng cảm trước khát vọng sáng tạo nghệ thuật* không ngừng ở họa sĩ Do Thái đầy tài năng.

Những bức tranh của Apolech có vẻ đẹp khác thường và sức sống diệu kỳ. Vẻ đẹp ấy, sức sống ấy tỏa ra từ chất thơ của cuộc sống lam lũ, tỏa ra từ sự chân thực của những hình ảnh hiện ra trong tranh. Nhân vật của Apolech không phải là những thần thánh chỉ thấy trong truyền thuyết với phong thái đạo mạo, cao quý và quyền uy mà là những con người thật trong cuộc sống đời thường cũng biết yêu biết ghét, cũng biết làm đẹp, cũng sinh con đẻ cái... Đứng trước họ người ta không sợ sệt, phục tùng, ngưỡng vọng, đứng trước họ người ta có thể ngắm nghía, đùa vui, bình luận, chê bai, thậm chí nguyên rủa. Ở những bức tranh của Apolech, người ta thấy lòng trong hình dáng những vị thánh là khuôn mặt của những người nông dân Nga chất phác, thật thà, những con người lao động bị tầng lớp trên coi là thấp kém. Nghệ thuật của Apolech là thứ nghệ thuật tự do được chấp cánh bởi trí tưởng tượng bay bổng, không gò bó trong bất kỳ một khuôn phép nào. Đến một vùng đất mới Apolech lại đưa những con người nơi ấy vào tranh, đặt họ trong những sinh hoạt dân già thường ngày. Những người Palestin có thể nhận ra các vị thánh của họ là: “Các ông già vui nhộn và có phần chất phác, với những chòm râu bạc, những cặp má hồng hào được bọc trong lụa là và đặt vào những tối vui sôi nổi”. Những người dân ở thành phố Novograd – Volunsko lại thấy “trong thánh Paul tay Do Thái thọt chân Ianech, bỏ đạo Do Thái theo đạo Thiên Chúa”, thấy “Marie Mardalen là cô gái Do Thái Enca, không biết bố mẹ là ai và là mẹ của vô số đứa con hoang” (Babel, 2000).

Người ta “tìm thấy trong những căn nhà nông dân nghèo nàn, hôi hám nhất, những bức chân dung gia đình quái đản, những bức vẽ báng bổ tôn giáo, ngây thơ nhưng rất nghệ thuật, những thánh Joseph tóc xám chải đường ngôi giữa, những Jesus đầu bôi pommat, những Đức Bà Maria nông thôn đã sinh nở nhiều lần ngôi dạng háng, các hình thánh này đã được đặt trong góc trang trọng nhất của các căn phòng, giữa những vòng hoa giấy”. Thậm chí “kẻ thù của người đặt hàng có thể bị vẽ thành tên Juda ở Kirios” (Babel, 2000).

Không phải không có lý khi cha xứ vùng Dupno và Novoconstanchin khẳng định pan Apolech đã “phong thánh” cho nhân dân ngay khi họ còn sống, khi những người dân Nga trong vùng nhận ra “phải chăng có nhiều

chân lý trong các bức tranh của pan Apolech, người thỏa mãn lòng kiêu hãnh của chúng tôi, hơn là trong những lời của cha, đầy ý mật sát và tức tối của các ông chủ?” (Babel, 2000). Nghệ thuật chỉ có thể có sức sống lâu bền khi nó là thứ nghệ thuật chân chính được sáng tạo vì nhân dân, về nhân dân. Và chỉ có nhân dân chứ không phải tầng lớp quý tộc mới xứng đáng trở thành đối tượng của sáng tạo nghệ thuật. Nghệ thuật của Apolech chính là thứ nghệ thuật ấy.

Sau khi công bố những bức tranh “ngây thơ nhưng rất nghệ thuật” sau sáu tháng dày công sáng tạo trên các bức tường nhà thờ Apolech nhận được những lời đe dọa từ cha cả và các công dân quyền quý. Không chịu che các bức tường vẽ đầy tranh của mình, Apolech bị đuổi ra khỏi giáo đường. Dũng cảm, dám sống hết mình vì nghệ thuật đó là phẩm chất cao quý của Apolech. Trải qua 30 năm ở lại thành phố Novograd – Volunsko, cho đến khi gặp “tôi” “họa sĩ cuồng” Apolech vẫn khát khao sáng tạo không ngừng. Câu chuyện về nàng Debora ăn nằm với Jesus ngay trên những thứ cô gái vừa nồn ra, hình ảnh “tôi” được Apolech lồng trong thánh Frăngxoá... tất cả cho thấy khát vọng cao đẹp đó. Với Apolech, được tự do sáng tạo cũng quan trọng như được sống trong cuộc đời này. Người nghệ sĩ chỉ có thể sáng tạo được những tác phẩm nghệ thuật đích thực chừng nào con người anh ta có óc tưởng tượng tự do, có trái tim say mê, đầy khát vọng và dũng khí. Hình ảnh của Apolech gợi cho chúng ta liên tưởng tới người nghệ sĩ Babel – một con người cho đến phút cuối cùng của cuộc đời vẫn khát khao được hoàn thành những tác phẩm nghệ thuật dang dở của mình. Khát vọng tự do sáng tạo nghệ thuật của Apolech cũng là khát vọng cháy bỏng của Babel. Bởi nhà văn nhận thức được sứ mệnh cao cả của mình: “Người nông dân nông trang tập thể này đã có lúa mì, anh ta có nhà ở, thậm chí có cả huân chương. Song đối với anh ta như thể vẫn chưa đủ, bây giờ *anh ta đang muốn người ta làm thơ về mình*” (Babel, 2000).

### 2.3. Khát vọng về một thế giới lý tưởng

Thế giới nhân vật của Babel là một thế giới của những con người *khắc khoải kiếm tìm*: những chiến binh Hồng quân kiếm tìm danh dự và chiến công; người trí thức tham gia Cách mạng Liutov và Ilia kiếm tìm vị trí của mình trong quần chúng Cách mạng; người nghệ sĩ Apolech kiếm tìm những tác phẩm nghệ thuật đích thực; còn những nhân vật như Ghedali, Sidorov, Arghev và Sashka Conhaev lại là “những người lữ khách Nga”

*kiếm tìm một thành quốc tương lai - ở nơi ấy có sự bình yên tuyệt đối.*

Ghedali trong tác phẩm cùng tên là một triết gia Do Thái tiến bộ. Căm thù bọn Ba Lan độc ác tàn sát người Do Thái, căm kích khi Cách mạng “đập chết bọn Ba Lan” nhưng cụ vẫn không hết băn khoăn về Cách mạng: “Nhưng bọn Ba Lan đã bắn vì chúng nó là phản Cách mạng. Các ngài bắn vì các ngài là Cách mạng. Nhưng Cách mạng lại là hân hoan hạnh phúc. Mà hân hoan hạnh phúc thì không thích trong nhà có trẻ mồ côi. Những việc tốt thì do con người tốt làm ra. Cách mạng là công việc tốt của những con người tốt. Song người tốt không giết người. Như vậy có nghĩa là Cách mạng đang do những con người độc ác làm. Nhưng bọn Ba Lan cũng là những con người độc ác. Vậy ai sẽ nói cho Ghedali biết đâu là Cách mạng và đâu là phản Cách mạng” (Babel, 2000).

Trong suy nghĩ đơn giản của Ghedali bọn Ba Lan là xấu, Cách mạng là tốt; bắt người Do Thái và giết râu người Do Thái là xấu, cứu người Do Thái là tốt; bắn giết là xấu, mang lại niềm vui và hân hoan là tốt; giết người là những kẻ độc ác, việc tốt do những người tốt làm ra... Nhưng Ghedali đâu biết rằng trên cuộc đời này làm gì có cuộc Cách mạng nào là Cách mạng ngọt bùi, niềm vui và sự hân hoan có được phải đánh đổi bằng máu. Bọn Ba Lan nổ súng vì mục đích phi nghĩa còn Cách mạng nổ súng vì Cách mạng cần phải chống lại kẻ phi nghĩa bằng chính thứ vũ khí của chúng. Ngay Lenin cũng đã nói: “Những người xã hội không tưởng xưa kia tưởng tượng rằng chủ nghĩa xã hội có thể được xây dựng bởi những con người khác, rằng đầu tiên họ sẽ giáo dục những con người tốt đẹp, sạch sẽ, đã được huấn luyện thật tốt rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội với những con người ấy. Chúng ta bao giờ cũng cười họ và nói rằng đó là trò chơi búp bê, là trò đùa của các thiên kim tiểu thư về chủ nghĩa xã hội chứ không là chính trị nghiêm túc” (Babel, 2000). Tuy suy nghĩ của Ghedali có phần đơn giản và lệch lạc nhưng Babel tôn trọng tấm lòng của Ghedali – một người Do Thái đã nhiệt tình ủng hộ Cách mạng, trân trọng khát khao cháy bỏng của cụ về một *thế giới đại đồng Nga* – nơi ấy không còn máu chảy, không còn chiến tranh, nơi ấy chỉ có những người tốt. “*Và chúng tôi muốn có Quốc tế của những người tốt, tôi muốn mỗi linh hồn đều được tỉnh tới và được cấp cho một khẩu phần hạnh nhất*” (Babel, 2000). Khát vọng của Ghedali cũng là khát vọng của

Babel và tất cả những ai tham gia Cách mạng. Có điều triết gia Do Thái chỉ dừng lại ở khát vọng, ước mơ còn Babel và các chiến sĩ Hồng quân trong *Tập đoàn quân Kỵ binh* không chỉ biết ước mơ, không chỉ tin tưởng vào tương lai, họ đã *đấu tranh cho tương lai*. Cũng bởi thế cho nên Babel gọi Quốc tế của Ghedali là Quốc tế thứ Tư – cái quốc tế không thể nào có.

Nếu như Ghedali mơ tới một *Quốc tế của những người tốt* thì anh lính Hồng quân Sidorov trong *Mặt trời nước Ý* lại khát khao được sang đất Ý. Với anh, *nước Ý chính là miền đất hứa, là nơi chốn bình an tuyệt đối, là thế giới lý tưởng*. Ở đó sẽ không có những cuộc hành binh đánh bọn phản Cách mạng, sẽ không có một Matxcova thờ ơ với Tập đoàn quân, sẽ không có cả mặt trận, không có “Tập đoàn quân Kỵ binh và cuộc đời lính tráng nồng nặc mùi máu và xác chết” (Babel, 2000). Anh viết trong bức thư gửi cho người yêu: “Nước Ý đã thâm nhập vào tim anh như bùa yêu. Ý nghĩ về đất nước này, đất nước mà anh chưa nhìn thấy bao giờ, đối với anh nó ngọt ngào như cái tên của một người đàn bà, như tên em, Victoria...” (Babel, 2000).

Sidorov tự nhận mình là con người nhu nhược. Anh không chịu đựng nổi những sự thực khốc liệt của chiến tranh, nhất là sự thờ ơ của hậu phương và thái độ quan liêu của những viên chức ở Matxcova. Tuy còn nhiều dằn vặt, suy tư nhưng trong tâm hồn mệt mỏi của anh hình ảnh nước Ý cứ sáng lên, hấp dẫn anh, lôi cuốn anh, hứa hẹn với anh một *cuộc sống bình yên*. Anh muốn được sang nước Ý để trốn chạy tất cả dù không biết sẽ có điều gì chờ đón mình ở phía trước. Babel hiểu và thông cảm với khát vọng của Sidorov. Dù sao anh cũng là người dám sống thật với ước mơ của chính mình.

Trợ tá Arghev trong *Hai tay Ivan* cũng là một kẻ trốn chạy. Là người sùng tín, tôn thờ Chúa Jesus và *lý tưởng về một thế giới an lành*, lương thiện Arghev không chấp nhận nổi những sự khốc liệt của chiến tranh. Hai lần bị đưa ra mặt trận, hai lần trốn chạy. Lần thứ ba bị đưa vào trung đoàn các phần tử xấu ở Matxcova, lại giả điếc để không phải ra mặt trận, cuối cùng điếc thật. Sự hèn nhát và nhu nhược của Arghev tuy đáng lên án, nhưng số phận của Arghev lại gây ra sự thương cảm trong lòng người đọc. Muốn đạt được sự bình yên, muốn có được một thế giới an lành người ta phải *đấu tranh* cho nó chứ không phải trốn chạy. Hạnh phúc thực sự chỉ có được khi người ta biết đạt lấy nó bằng chính

khả năng của mình. Đó chính là chân lí rút ra từ những câu chuyện của Ghedali, Sidorov, Arghev. Viết về họ Babel không hề có thái độ mỉa mai, trái lại nhà văn tỏ ra *hiểu và thông cảm* với họ. Bởi họ không thể chấp nhận những gì “tạm thời, tương đối, ước lệ” (chữ của Berdiaev) của thời kỳ quá độ, họ mong muốn đạt ngay đến một thế giới lý tưởng. Babel đồng cảm với mong ước của họ, trân trọng tinh thần hướng thiện và khát vọng lưu giữ lòng tốt của con người, một trong những giá trị đạo đức ngàn đời của nhân loại, ở họ.

Cũng ôm ấp khát vọng tình yêu thương, cũng từng mơ ước một thế giới chỉ có sự yên ả và thanh bình nhưng Sashka Conhaev không phải là người ảo tưởng như Ghedali, Sidorov hay Arghev. Sống ở bất cứ môi trường nào anh cũng sẵn sàng lắng nghe, thông cảm, chia sẻ nỗi buồn, sự tuyệt vọng của người khác; động viên, an ủi giúp đỡ họ vượt qua khó khăn. Bà con, đồng đội gọi anh là Sashka Chúa Cứu Thế. Cuộc sống lý tưởng trong mắt Sashka chính là *cuộc sống của những người chăn bò chăn ngựa ở làng quê*. Tuyệt vời làm sao khi được sống trên thảo nguyên mênh mông và tươi đẹp, chỉ có niềm vui của lao động hăng say và tình yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên: “Đất mang *khí ẩm thơm tư*. Nước xanh *nhấp nhóng như ngọc bích* dưới những hố đen ngòm. *Cỏ xanh ròn* nhú lên trên mặt đất thành những đường *thêu rắc rối*. Và từ dưới đất bốc lên cái *mùi chua chua như mùi ả vợ lính lúc trời rạng*. Trên những nắm *cuộc gan, những đàn gia súc đầu mùa* đổ xuống bên dưới. *Những con ngựa non* nô rôn trong *khoảng không mênh mông xanh lơ ở chân trời*” (Babel, 2000).

Chẳng thế mà Sashka kiên quyết từ chối công việc của một thợ mộc ở thị trấn để được sống giữa thảo nguyên yên ả, sống giữa đàn gia súc thân thuộc và bà con Còdác yêu lao động. Ra mặt trận, tâm hồn Sashka vẫn không hề bị chai sạn đi bởi súng đạn, máu lửa, chiến tranh. Ở anh vẫn dạt dào dòng chảy của tình yêu thương. Vốn hát hay, Sashka đã dùng tiếng hát của mình để đưa sự yên bình, tình yêu, niềm thương nỗi nhớ, khát vọng, mơ ước... trở lại thế giới tình cảm của những người chiến sĩ. *Những giai điệu thấm thiết cổ xưa* trong bài hát của anh đã làm sống dậy tình người, tưới tẩm cho những mảnh đất tâm hồn đang khô hạn bởi chiến tranh. Chính “tôi” đã viết: “Các bài hát của anh cần cho chúng tôi, không ai biết chiến tranh bao giờ mới chấm dứt, mà Sashka Chúa Cứu Thế, ca sĩ của đại đội

ky binh, còn chưa là một trái cây quá chín để rụng...” (Babel, 2000). Sashka không chờ đợi hay trốn chạy, anh hành động vì mình và vì mọi người. Bởi thế có thể nói Sashka chính là *hiện thân hoàn hảo nhất của khát vọng nhân văn nhân bản trong chiến tranh*. Cũng xuất thân nông dân Sashka của Babel gợi nhớ Platon Karataev trong *Chiến tranh và hòa bình* của Lev Tolstoy. Nếu như Platon Karataev chính là người đem lại ánh sáng chân lý cho Pie Bezukhov thì Sashka lại là người đem lại hơi ấm của tình người tới tất cả mọi nhân vật trong *Tập đoàn quân Ky binh*.

Tuy có những nét tính cách khác nhau nhưng cả Ghedali, cả Sidorov, cả Arghev và đặc biệt là Sashka đều là những người có tâm hồn đẹp. Họ đã dám sống, dám khát vọng, dám mơ ước dù có lúc biết rằng mơ ước của mình là không tưởng. Họ cũng là những nhân vật nói lên tiếng nói thiết tha của tác giả về tình người, về vẻ đẹp của lòng tốt, lương tâm, sự đồng cảm. Trong chiến tranh khốc liệt, giữa một thế giới những chiến binh dễ gọi ra sự khốc khổ, khô khan những nhân vật mang *khát vọng về tình yêu thương* của Babel như đem đến một luồng sinh khí mới mềm mại hơn, lãng mạn hơn, nhân văn hơn cho tác phẩm.

### 3. Kết luận

Như thế, Babel đã xây dựng nên trong *Tập đoàn quân Ky binh* một thế giới nhân vật khát vọng. Khát vọng hài hòa của Liutov, khát vọng tự do sáng tạo nghệ thuật của Apolech, khát vọng về một thế giới lý tưởng của Ghedali... là gì nếu không phải là *khát vọng đạt tới sự hoàn hảo trong con người?* Tự đốt cháy mình, sống hết mình cho bản thân và những người khác, họ giống như nhân vật lãng mạn mang đầy màu sắc huyền thoại Danko của Gorky. Có điều Babel không lý tưởng hóa, thần thánh hóa những nhân vật của mình, nhà văn chỉ lý tưởng hóa khát vọng của họ, gieo vào trong tâm hồn họ khát vọng kiếm tìm cái đẹp tuyệt đối... Bởi thế, họ thật hơn, gần gũi hơn với người đọc. “Trên đời này thật không có gì khó khăn hơn là viết những trang văn xuôi lương thiện, giản dị về con người” (Vuong, 1998), với *Tập đoàn quân Ky binh* và những nhân vật luôn khát khao những ước vọng nhân văn, Babel thực sự đã làm được công việc khó khăn ấy.

### Tài liệu tham khảo

- Babel, I. E. (2000). *The collected stories (Tuyển tập)* (T. U. Nguyen, Trans.). Culture and Information.
- Berdiaev, A. N. (2003). The Russian soul (Tâm hồn Nga) (T. L. Tu, Trans.). *Journal of Foreign Literature*, 6, 199–218.
- Dao, T. A. (2001). *A look back at the Soviet Russian prose written about war (Nhìn lại văn xuôi Nga Xô Viết viết về chiến tranh)*. *Journal of Writer*, 5, 124–133.
- Dao, T. A. (2002). *Critic Dao Tuan Anh: 'I'm the person who knows...to quit' (Nhà phê bình Đào Tuấn Anh: 'Tôi là người biết... bỏ cuộc')*. Vnexpress. <https://vnexpress.net/nha-phe-binh-dao-tuan-anh-toi-la-nguoi-biet-bo-cuoc-1875255.html>.
- Freidin, G. (1990). *Isaac Babel (1894—1940)*.
- Freidin, G. (2021). *Isaac Babel*. Encyclopedia Britannica. <https://www.britannica.com/biography/Isaac-Babel>.
- Gorky, M. (1970). *Gorky's discussions of literature (Gorky bàn về văn học)*. Literature.
- Hoang, T. X. (1999). *The ten biggest religions in the world (Mười tôn giáo lớn trên thế giới)*. National Politics.
- Huu, N. (1982). *The dictionary of foreign writers and playwrights (Từ điển tác gia văn học và sân khấu nước ngoài)*. Culture.
- Le, D. T. (1999). *A few characteristics of Russian-Soviet short stories (Một đặc điểm truyện ngắn Nga – Xô Viết)*. *Journal of Military Arts*, 4, 110–112.
- Multiple authors. (2003). *The history of Russian literature (Lịch sử văn học Nga)*. Education.
- Nguyen, C. (1993). *The Jewish folk legends (Những truyền thuyết dân gian Do Thái)*. Culture.
- Nguyen, H. D. (1963). Literature, arts and politics in the Soviet Union (Văn nghệ với chính trị tại Liên Xô). *Encyclopedia*, 159+160, 57–61 & 21–26.
- Nguyen, H. H. (2002). *Russian literature, truth and beauty (Văn học Nga sự thật và cái đẹp)*. Education.
- Nguyen, H. H. (2004). Tragic/Miserable life (Cuộc đời sống gió bi thảm). Printed in *Stories of Vietnamese and world literature*. Education.



Pautovsky, K., & Phan, H. G. (2004). *Some words about Babel (Mấy lời về Babel)*. Printed in *Alone with the autumn*. Culture and Information.

Prokhorov, A. M. (n.d.). *The Soviet commander Vidionyi (Будённый Семён Михайлович)* (Vol. 30). The Soviet Encyclopedia.

*About the relationship between the intellectuals and ordinary people in "Red Cavalry" by I. E. Babel* (Проблема взаимоотношений интеллигенции и

народа в "Конармии" И.Э.Бабеля). (n.d.). <https://www.elibrary.ru/item.asp?id=36820773>.

Vuong, T. N. (1998). *The diary of short stories (Số tay truyện ngắn)*. Vietnam Writers' Association.

## THE HUMANE ASPIRATIONS IN ISAAC BABEL'S *RED CAVALRY*

**Do Thi Huong**

*Vietnam Institute of Literature, Vietnam Academy of Social Sciences, Vietnam*

*Author corresponding: Do Thi Huong - Email: [huongvhnnvvh@gmail.com](mailto:huongvhnnvvh@gmail.com)*

Article History: Received on 29<sup>th</sup> May 2021; Revised on 14<sup>th</sup> June 2021; Published on 17<sup>th</sup> June 2021

**Abstract:** Isaac Babel is an exceptional Russian-Jewish writer of Russian literature. The writer himself and his best work *Red Cavalry* have truly become a remarkable phenomenon in Russian and world literature. Through *Red Cavalry*, Babel not only helps readers understand more about the life, the fighting process as well as the virtues and the ideal of the Red Army Cossack soldiers, but also allows them to see the human values, human nature, simple wishes and noble aspirations of people, especially the Jewish intellectuals in violent war situations. His readers, therefore, pay even more respect for this talented and brave writer, and at the same time, earn a more comprehensive view of a highly turbulent period of the Russian-Soviet literature. With an uncommon psychological view used in approaching the works written about war, this article hopes to highlight the issues mentioned above.

**Key words:** Isaac Babel; *Red Cavalry*; humane aspiration; intellectual; Jew.